

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2020/HS- PT
Ngày: 14- 02- 2020

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Anh.

Các Thẩm phán: Ông Lê Khắc Thịnh.

Ông Đinh Chí Tâm.

- Thư ký phiên tòa:

Bà Phan Thị Kim Loan- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:

Bà Lưu Thúy Ái - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 16 tháng 01, 07 tháng 02 và 14 tháng 02 của năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 308/2019/TLPT-HS ngày 03 tháng 12 năm 2019 đối với bị cáo Nguyễn Phước Cửu Long G và các bị cáo khác do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 46/2019/HS-ST ngày 22 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Tháp M, tỉnh Đồng Tháp.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. **Nguyễn Phước Cửu Long G** , sinh năm 1981 tại tỉnh Đồng Tháp; nơi cư trú (HKTT): Ấp X, xã Phú N, huyện Tam N1, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Tài xế; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Phước H, sinh năm 1954 (sống) và bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1954 (sống); bị cáo có vợ và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; tạm giữ, tạm giam: Không. Bị cáo đang tại ngoại (có mặt tại phiên tòa).

2. **Lê Văn T** , sinh ngày 03- 9- 1992 tại tỉnh Đồng Tháp; nơi cư trú (HKTT): Ấp XX, xã An H1, huyện Tam N1, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Phụ xe; trình độ học vấn: 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn C, sinh năm 1960 (chết) và bà Võ Thị L, sinh

năm 1963 (sống); có vợ và 01 con; tiền án, tiền sự: Không; tạm giữ, tạm giam: Không. Bị cáo đang tại ngoại (*có mặt tại phiên tòa*).

3. **Nguyễn Văn T2**, sinh năm 1976 tại tỉnh Đồng Tháp; nơi cư trú (HKTT): Ấp Phú L1, xã An L2, huyện Tam N1, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Phụ xe; trình độ học vấn: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Hòa Hảo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn X, sinh năm 1943 (sống) và bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1941 (sống); có vợ và 01 con; tiền án, tiền sự: Không; tạm giữ, tạm giam: Không. Bị cáo đang tại ngoại (*có mặt tại phiên tòa*).

4. **Huỳnh Văn C1**, sinh năm 1979 tại tỉnh Đồng Tháp; HKTT: Ấp Phú Y, xã An L2, huyện Tam N1, tỉnh Đồng Tháp; Chỗ ở hiện nay: Khóm An Thạnh X, phường An L3, thị xã Hồng N2, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Văn U, sinh năm 1954 (chết) và bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1960 (sống); có vợ và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 14- 01- 2016, bị Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền G xử phạt 06 tháng tù về tội “ Buôn bán hàng cấm”, chấp hành xong hình phạt ngày 23- 11- 2016; tạm giữ: Từ ngày 11- 7- 2019 đến ngày 18- 7- 2019 thì thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho tại ngoại (*Bị cáo có mặt tại phiên tòa*).

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Phước Cửu Long G*: Luật sư Nguyễn Hoàng G1- Văn phòng Luật sư Hoàng G1 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Tháp (*có mặt*).

- *Người bào chữa cho các bị cáo Lê Văn T, Nguyễn Văn T2*:

Luật sư Trần Văn L4- Văn phòng Luật sư Trần T3 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Tháp (*có mặt*).

Ngoài ra, trong vụ án còn có bị cáo Phan Văn D không kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị. Bị cáo Nguyễn Danh N2 có kháng cáo nhưng N2 đã rút kháng cáo trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Danh N2, Nguyễn Phước Cửu Long G, Lê Văn T và Nguyễn Văn T2 là những người làm thuê cho Cơ sở sản xuất chả cá Ngọc P có địa chỉ tại ấp XX, xã An H1, huyện Tam N1, tỉnh Đồng Tháp do bà Đoàn Ngọc P làm chủ. Công việc của N2 và G là tải xế lái xe tải, T và T2 là phụ xe để chở chả cá đi T2 phố Hồ Chí Minh, Đồng Nai... giao cho khách hàng và mua cá tươi về để chế biến

chả.

Để có thêm tiền ngoài tiền công mà chị P trả, ngày 04- 01- 2019 Nguyễn Danh N2 điện thoại cho Huỳnh Văn C1 là người vận chuyển thuốc lá ngoại nhập lậu thuê cho một người có tên thường gọi là H2 (Quốc tịch Campuchia, không rõ họ tên và địa chỉ cụ thể) để đặt mua 250 cây thuốc lá điều ngoại nhập lậu, gồm: 200 cây thuốc Jet và 50 cây thuốc Hero (mỗi cây 10 bao, tổng cộng 2.500 bao) để ngày 05- 01- 2019, G, T, T2 vận chuyển đi tỉnh Đ bán, hưởng chênh lệch 5.000 đồng/01 cây. C1 đồng ý nên liên hệ với H2 để nhận 250 cây thuốc lá điều ngoại nhập lậu tại khu vực xã Thường Thới Hậu XX, huyện Hồng N3, tỉnh Đồng Tháp vận chuyển đến ấp An T3, xã An L2, huyện Tam N1, tỉnh Đồng Tháp giao cho Phan Văn D là người vận chuyển thuốc lá thuê cho nhóm của N2 vào khoảng 01 giờ ngày 05- 01- 2019, C1 được H2 trả công 200.000 đồng.

Đến khoảng 08 giờ ngày 05- 01- 2019, trong lúc uống nước giải khát tại quán của bà Võ Thị P1 gần cơ sở chả cá Ngọc P, N2 nói có việc bận nên đã kêu G chở chả cá cho chị P vào chiều ngày 05- 01- 2019 và giao cho T số tiền 33.000.000 đồng của chị P giao cho N2 trước đó, kêu T về cơ sở gặp chị P để lấy thêm tiền cho đủ số tiền 60.000.000 đồng mua cá.

Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, T nhận thêm số tiền 27.000.000 đồng từ chị P, G lái xe ô tô tải mang biển kiểm soát 66C- XXX.2X chở chả cá chạy về hướng huyện Hồng N3 đến gara để sửa xe. Sửa xe xong thì T và T2 lên xe, G điều khiển xe về hướng khu vực Phi Trường thuộc xã An L2, huyện Tam N1, để nhận thuốc lá điều nhập lậu. Khi trên xe, T lấy số tiền 40.750.000 đồng trong tổng số 60.000.000 đồng của chị P đưa cho G để trả cho D, trong đó 40.500.000 đồng là tiền thuốc lá và 250.000 đồng là tiền công vận chuyển của D. T điện thoại cho D kêu chở thuốc đem đến địa điểm giao nhận. D điều khiển xe mô tô chở 250 cây thuốc lá điều nhập lậu đã nhận của C1 trước đó đến giao cho T và T2 chất lên xe và nhận số tiền 40.750.000 đồng từ G. D giao lại cho C1 40.500.000 đồng để trả cho H2, D giữ lại 250.000 đồng là tiền công vận chuyển của mình.

G điều khiển xe cùng T và T2 chở số thuốc lá điều nhập lậu để đi đến tỉnh Đ tiêu thụ. Khi đến tuyến đường Võ Văn K đoạn thuộc ấp XX, xã Trường X, huyện Tháp M, tỉnh Đồng Tháp thì bị Đội quản lý thị trường số 4 thuộc Cục quản lý thị trường tỉnh Đồng Tháp kiểm tra, phát hiện số thuốc lá ngoại nhập lậu nêu trên, nên chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tháp M thụ lý, giải quyết.

Sau khi bị bắt, T đã trả lại đủ số tiền 60.000.000 đồng cho chị P.

N2 cho rằng việc đặt 250 cây thuốc lá điều ngoại nhập lậu nêu trên là do G nhờ đặt giùm để G vận chuyển đem bán, do G mới vào làm cho chị P nên chưa biết

người để đặt thuốc, N2 chỉ đặt giùm, không hưởng lợi. G thì không thừa nhận việc này mà cho rằng việc đặt thuốc là do N2 và T thỏa thuận với nhau, G chỉ lái xe để vận chuyển thuốc lá đem bán thu lợi.

Xe ô tô tải biển kiểm soát 66C- XXX.2X là của anh Lê T P1 (chồng chị P) đứng tên giấy đăng ký, anh P1 và chị P giao xe cho các bị cáo để chở cả cá giao cho khách hàng, việc các bị cáo sử dụng để làm phương tiện vận chuyển thuốc lá nhập lậu đem đi bán, anh P1 và chị P không biết.

Trong quá trình điều tra, N2 khai trước đó vào khoảng tháng 12 năm 2018 đã một lần liên hệ với C1 để đặt mua thuốc lá của H2, số lượng là 100 cây hiệu Jet, C1 giao thuốc cho D, D giao lại cho N2, N2 cùng với Phạm Văn P2 và Nguyễn Chí P3 (là người cùng làm thuê cho cơ sở của chị P) vận chuyển đi cùng chuyến hàng cả cá đến tỉnh Đ bán, nhưng không nhớ người mua và địa điểm giao nhận, thu lợi được 500.000 đồng, N2 được chia 250.000 đồng, P2 và P3 mỗi người được 125.000 đồng. D thừa nhận có nhận thuốc từ C1 để giao lại cho N2 để hưởng lợi 100.000 đồng. P1 thừa nhận có tham gia mua bán thuốc lá điều ngoại nhập lậu như lời khai của N2, riêng P3 không thừa nhận.

Ngoài ra, N2 khai vào ngày 02- 01- 2019, có đặt mua thuốc lá điều nhập lậu từ C1 số lượng là 200 cây hiệu Jet giùm cho G, N2 không hưởng lợi gì từ lần đặt thuốc lá lậu này. G thừa nhận có cùng với H2 (người cùng làm thuê cho cơ sở Ngọc P, không rõ họ tên và địa chỉ) và P2 vận chuyển 200 cây thuốc lá điều nhập lậu theo chuyến hàng cả cá đi bán ở tỉnh Đ như lời khai của N2, nhưng G cho rằng việc liên hệ đặt thuốc và mua bán là do H2, G không liên hệ với N2 để nhờ đặt thuốc, lần này G được H2 chia 500.000 đồng. D thừa nhận có nhận 200 cây thuốc lá hiệu Jet từ C1, hưởng lợi 200.000 đồng nhưng giao lại cho ai thì D không nhớ. P2 không thừa nhận có tham gia mua bán thuốc lá điều nhập lậu lần này.

Đối với người tên H2, Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh trên địa bàn xã Thường Thới Hậu X, huyện Hồng N2, tỉnh Đồng Tháp kết quả không xác định được người nào tên H2 ở trên địa bàn.

Đối với hai lần vận chuyển, mua bán thuốc lá điều nhập lậu vào tháng 12- 2018 và ngày 02- 01- 2019 mà N2, G, C1, D, P2 khai nhận nêu trên do không thu giữ được vật chứng là thuốc lá điều nhập lậu, không xác định được người bán, người mua và địa điểm mua bán, lời khai của các bị cáo có nhiều mâu thuẫn nhưng không có tài liệu, chứng cứ để chứng minh nên không có cơ sở xử lý đối với các lần vận chuyển, buôn bán này.

Về vật chứng đã thu giữ:

- 2000 bao (200 cây) thuốc lá điều ngoại nhập lậu nhãn hiệu Jet, màu trắng.

- 500 bao (50 cây) thuốc lá điều ngoại nhập lậu nhãn hiệu Hero, màu xanh.

- 01 (một) xe tải biển kiểm soát 66C- XXX.2X nhãn hiệu DOT, 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 010808 mang tên Lê T P4, 01 (một) giấy chứng nhận đăng kiểm xe nhãn hiệu DOT mang tên Lê T P4 (đã trả lại cho anh Lê T P4).

- 01 (một) giấy phép lái xe và 01 (một) chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Phước Cửu Long G (đã trả lại cho bị cáo G).

C1 nộp số tiền 500.000 đồng, G nộp số tiền 500.000 đồng, N2 nộp số tiền 250.000 đồng, D nộp số tiền 550.000 đồng, Phạm Văn P2 nộp số tiền 125.000 đồng. Đây là số tiền các bị cáo và P khai thu lợi từ việc bán thuốc lá điều ngoại nhập lậu mà có.

Về trách nhiệm dân sự: Chị Đoàn Ngọc P và anh Lê T P4 đã nhận lại đủ số tiền 60.000.000 đồng và xe ô tô tải biển kiểm soát 66C-XXX.2X, không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 46/2019/HS-ST ngày 22- 10- 2019 của Tòa án nhân dân huyện Tháp M, tỉnh Đồng Tháp đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Danh N2, Nguyễn Phước Cửu Long G (Út), Lê Văn T, Nguyễn Văn T2 phạm tội “*Buôn bán hàng cấm*” và tuyên bố các bị cáo Huỳnh Văn C1, Phan Văn D phạm tội “*Vận chuyển hàng cấm*”.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 190; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17 Bộ luật hình sự, xử phạt:

- Bị cáo Nguyễn Danh N2 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam (ngày 05- 7- 2019).

- Bị cáo Nguyễn Phước Cửu Long G 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 190; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17 của Bộ luật hình sự, xử phạt:

- Bị cáo Lê Văn T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

- Bị cáo Nguyễn Văn T2 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 191; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt:

Bị cáo Huỳnh Văn C1 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án, trừ những ngày tạm giữ từ ngày 11- 7- 2019 đến ngày 18- 7- 2019.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 191; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt:

Phạt tiền bị cáo Phan Văn D 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng). Buộc bị cáo Phan Văn D nộp để sung ngân sách Nhà nước.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và nêu quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 04 tháng 11 năm 2019, bị cáo Nguyễn Phước Cửu Long G có đơn kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt tù.

Ngày 05 tháng 11 năm 2019, các bị cáo Lê Văn T, Nguyễn Văn T2 có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo.

Ngày 29 tháng 10 năm 2019, bị cáo Huỳnh Văn C1 có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Ngày 22 tháng 10 năm 2019 bị cáo Nguyễn Danh N2 có đơn kháng cáo, nhưng đến ngày 11 tháng 12 năm 2019 thì Nguyễn Danh N2 có đơn rút kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Nguyễn Phước Cửu Long G, Lê Văn T và bị cáo Nguyễn Văn T2 thừa nhận thực hiện hành vi “Buôn bán hàng cấm”, bị cáo Huỳnh Văn C1 thừa nhận thực hiện hành vi “Vận chuyển hàng cấm”.

Các bị cáo khai nhận do bị cáo N2 quen biết với bị cáo C1 là người vận chuyển thuốc lá điều nhập lậu thuê cho một người tên H2, nên ngày 04- 01- 2019, bị cáo N2 đã liên hệ với bị cáo C1 vận chuyển thuốc lá điều nhập lậu với số lượng 2.000 bao hiệu Jet, 500 bao hiệu Hero. Bị cáo C1 sau khi nhận 2.500 bao thuốc lá điều ngoại nhập lậu từ H2 đã vận chuyển từ xã Thường Thới Hậu X, huyện Hồng N3 đến xã An L2, huyện Tam N1 giao lại cho bị cáo D để bị cáo D chở giao lại cho các bị cáo T, G, T2 vận chuyển theo chuyến hàng chả cá của Cơ sở chả cá Ngọc P đến tỉnh Đ bán để thu lợi. Trên đường vận chuyển ra Đ, khi đến địa phận ấp XX, xã Trường X, huyện Tháp M, tỉnh Đồng Tháp thì bị phát hiện bắt giữ. Các bị cáo Nguyễn Phước Cửu Long G, Lê Văn T, Nguyễn Văn T2 thừa nhận mục đích chở 2.500 bao thuốc lá điều ngoại nhập lậu từ huyện Tam N1, tỉnh Đồng Tháp đến tỉnh Đ là nhằm bán kiếm thêm thu nhập.

Các bị cáo thừa nhận hành vi của các bị cáo là vi phạm pháp luật, các bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Tháp M, tỉnh Đồng Tháp kết án các bị cáo là không oan sai.

Bị cáo Nguyễn Phước Cửu Long G kháng cáo xin được giảm hình phạt, hưởng án treo với lý do hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, bị cáo là lao động chính, là con út nuôi cha mẹ già mất sức lao động, nhiều bệnh tật và nuôi 02 con

còn nhỏ, bị cáo xuất trình đơn xin xác nhận hoàn cảnh gia đình khó khăn; bị cáo có thời gian nhập ngũ Bộ đội biên phòng.

Bị cáo Lê Văn T kháng cáo xin được giảm hình phạt, hưởng án treo với lý do bị cáo là lao động chính, gia đình bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, phải nuôi mẹ già và 02 con, bị cáo xuất trình đơn xin xác nhận gia đình có hoàn cảnh kinh tế khó khăn.

Bị cáo Nguyễn Văn T2 kháng cáo xin được hưởng án treo với lý do bị cáo là lao động chính, hoàn cảnh gia đình bị cáo rất khó khăn, bị cáo một mình phải nuôi con nhỏ 11 tuổi, bị cáo xuất trình đơn xin xác nhận gia đình có hoàn cảnh kinh tế khó khăn.

Bị cáo Huỳnh Văn C1 kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt, xin được hưởng án treo với lý do bị cáo là lao động chính trong gia đình, bị cáo nuôi dưỡng cha mẹ già và một mình phải nuôi 02 con nhỏ bị bệnh phải điều trị thường xuyên.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu quan điểm giải quyết vụ án cho rằng hành vi của các bị cáo Nguyễn Phước Cửu Long G, Lê Văn T, Nguyễn Văn T2 bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội “Buôn bán hàng cấm” theo điểm b khoản 1 Điều 190 Bộ luật hình sự; bị cáo Huỳnh Văn C1 bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội “Vận chuyển hàng cấm” theo điểm b khoản 1 Điều 191 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật. Khi xét xử, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, áp dụng đầy đủ, đúng quy định các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo. Do đó, mức án mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đối với các bị cáo là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà các bị cáo gây ra. Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt tù, xin được hưởng án treo và có nêu ra các lý do để chứng minh yêu cầu kháng cáo, nhưng nhận thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của các bị cáo. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm về hình phạt đối với các bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Luật sư Trần Văn L 4 bào chữa cho các bị cáo Lê Văn T, Nguyễn Văn T2 đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hiện nay hoàn cảnh gia đình của các bị cáo khó khăn, các bị cáo là lao động chính, cha mẹ thì lớn tuổi, con còn nhỏ, vợ không nghề nghiệp có xác nhận của chính quyền địa phương và xét thấy lợi nhuận từ việc buôn bán thuốc lá nhập lậu là không lớn. Từ đó, Luật sư đề nghị chuyển loại hình phạt, áp dụng hình phạt không phải là tù cho các bị cáo hoặc nếu là tù thì cho các bị cáo được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Luật sư Nguyễn Hoàng G1 bào chữa cho bị cáo Nguyễn Phước Cửu Long G đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hiện nay hoàn cảnh

gia đình của bị cáo khó khăn, bị cáo là lao động chính, nuôi cha mẹ lớn tuổi, 02 con còn nhỏ có xác nhận của chính quyền địa phương, trong quá trình điều tra, xét xử bị cáo đều T2 khẩn khai báo, ăn năn hối hận về hành vi của mình. Từ đó, Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự để cho bị cáo được hưởng án treo.

Trong phần tranh luận, các bị cáo không tranh luận. Tại lời nói sau cùng, các bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt, cho các bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Vì muốn có tiền tiêu xài nên các bị cáo Nguyễn Phước Cửu Long G, Lê Văn T, Nguyễn Văn T2 vận chuyển 2.500 bao thuốc lá điều ngoại nhập lậu từ xã An Long, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp đến tỉnh Đồng Nai để bán. Số thuốc lá này do Nguyễn Danh N2 liên hệ với Huỳnh Văn C1 để C1 nhận thuốc từ một người tên H2 tại xã Thường Thới Hậu X, huyện Hồng N3 tỉnh Đồng Tháp, C1 chở đến xã An L2, huyện Tam N1 rồi giao lại cho Phan Văn D và Phan Văn D chở thuốc lá đến khu vực Phi Trường thuộc xã An L2, huyện Tam N1 giao lại cho Nguyễn Phước Cửu Long G, Lê Văn T, Nguyễn Văn T2. Các bị cáo Lê Văn T, Nguyễn Văn T2 là người bốc xếp thuốc lá lên xe tải 66C- XXX.2X và đi theo xe, còn Nguyễn Phước Cửu Long G là tài xế lái xe.

[2] Xét thấy thuốc lá điều ngoại nhập lậu là hàng cấm, nên việc buôn bán, vận chuyển mặt hàng này là hành vi trái pháp luật. Vì vậy hành vi của các bị cáo Nguyễn Phước Cửu Long G, Nguyễn Văn T2, Lê Văn T bị kết án về tội “Buôn bán hàng cấm” quy định tại điểm b khoản 1 Điều 190 Bộ luật hình sự và hành vi của bị cáo Huỳnh Văn C1 bị kết án về tội “Vận chuyển hàng cấm” quy định tại điểm b khoản 1 Điều 191 Bộ luật hình sự theo Bản án số 46/2019/HS-ST ngày 22- 10- 2019 của Tòa án nhân dân huyện Tháp M, tỉnh Đồng là có căn cứ. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm đến chế độ độc quyền của Nhà nước trong quản lý, sản xuất, kinh doanh thuốc lá, làm ảnh hưởng đến an ninh trật tự xã hội, chỉ vì hám lợi mà các bị cáo coi thường pháp luật, nên hành vi của các bị cáo cần phải được xử lý nghiêm minh.

[3] Xét kháng cáo của các bị cáo xin được giảm hình phạt tù và được hưởng án treo với các lý do đã nêu trong đơn kháng cáo và tại phiên tòa sơ thẩm, trong đó các bị cáo Nguyễn Phước Cửu Long G, Huỳnh Văn C1 trình bày có hoàn cảnh gia đình khó khăn, riêng bị cáo G có thời gian tham gia bộ đội biên phòng, đây là các tình tiết giảm nhẹ mới phát sinh ở cấp phúc thẩm, được xem xét theo

khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra với mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo là phù hợp, mặc dù nay các bị cáo có thêm các tình tiết đã nêu nhưng vẫn giữ nguyên mức hình phạt như Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên. Đối với các bị cáo Lê Văn T, Nguyễn Văn T2 trình bày có hoàn cảnh gia đình khó khăn nhưng các tình tiết này đã được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo T và T2. Vì vậy, Hội đồng xét xử giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm về phần hình phạt.

[4] Xét thấy phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm về quan điểm giải quyết vụ án là có căn cứ chấp nhận. Đối với đề nghị của các vị Luật sư bào chữa cho các bị cáo tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy không có cơ sở chấp nhận, lý do như đã phân tích ở trên.

[5] Do kháng cáo của các bị cáo không được chấp nhận nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Phước Cửu Long G , Lê Văn T , Nguyễn Văn T2 và Huỳnh Văn C1.

Giữ nguyên quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số 46/2019/HS- ST ngày 22 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Tháp M, tỉnh Đồng Tháp về phần hình phạt đối với các bị cáo.

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Phước Cửu Long G , Lê Văn T , Nguyễn Văn T2 phạm tội “*Buôn bán hàng cấm*” và tuyên bố bị cáo Huỳnh Văn C1 phạm tội “*Vận chuyển hàng cấm*”.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 190; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Phước Cửu Long G 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 190; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Văn T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T2 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 191; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Huỳnh Văn C1 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, trừ đi thời gian tạm giữ bị cáo (từ ngày 11- 7- 2019 đến ngày 18- 7- 2019).

2. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30- 02- 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Nguyễn Phước Cửu Long G , Lê Văn T , Nguyễn Văn T2 và Huỳnh Văn C1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC- Vụ Giám đốc kiểm tra 1;
- Ban Nội chính Tỉnh ủy;
- Sở Tư pháp Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- Cơ quan THAHS Công an Tỉnh;
- TA-VKS-THADS huyện Tháp M;
- CQCSĐT Công an huyện Tháp M;
- Bị cáo;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ Công an Tỉnh;
- Phòng KTNV-THA.TA Tỉnh;
- Lưu: VT, HSVA (Loan).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tuấn Anh